

Bản án số: **69/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 01-11-2019

V/v ly hôn, tranh chấp về
nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Ngọc Bích

2. Ông Hà Minh Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Sang- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Danh Thị Kim H, sinh năm 1979 (có mặt);

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn S, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp L, xã H Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 24/4/2019 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Danh Thị Kim H trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Trần Văn S chung sống vào năm 1999, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, không có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống chị và anh Trần Văn S có 03 người con chung tên Trần KC, sinh ngày 25/01/2002, Trần KT, sinh ngày 21/9/2004 và Trần KK, sinh ngày 17/7/2013, hiện nay các con tên Trần KC và Trần KT đang sống chung với

anh S, con tên Trần KK đang sống chung với chị; về tài sản chung và nợ, anh chị không có tài sản chung và không nợ người khác, người khác không nợ anh chị. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống nên cuộc sống gia đình ngột ngạt, anh chị thường xuyên cự cãi, anh S thường xuyên nhậu nhẹt không lo làm ăn dẫn đến đời sống chung không còn hạnh phúc và anh chị đã sống ly thân nhau hơn 03 năm nay không thể hàn gắn với nhau được. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn S;

Về quan hệ con chung: Khi ly hôn chị đồng ý giao con 02 người con chung tên Trần KC, sinh ngày 25/01/2002 và Trần KT, sinh ngày 21/9/2004 cho anh S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng con tên Trần KK, sinh ngày 17/7/2013, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và chị không cấp dưỡng nuôi con;

Về tài sản chung và nợ: Chị xác định không có, chị không yêu cầu giải quyết.

** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 22/10/2019 và đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án ngày 29/10/2019, bị đơn anh Trần Văn S trình bày như sau:*

Anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang anh xác định. Về quan hệ hôn nhân, anh đồng ý ly hôn với chị Danh Thị Kim H. Về tài sản chung và nợ, anh xác định không có, anh không yêu cầu giải quyết. Do bận công việc gia đình nên anh không tham gia phiên tòa được nên anh xin vắng mặt, sau khi Tòa án xét xử xong anh đề nghị gửi bản án về cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị L đang chung sống với anh, tại ấp L2, xã H Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

** Tại văn bản trình bày nguyện vọng ngày 10/7/2019, Trần KC trình bày:* Trần KC là con của anh Trần Văn S và chị Danh Thị Kim H. Khi anh Trần Văn S và chị Danh Thị Kim H ly hôn, Trần KC có nguyện vọng chung sống với cha là anh Trần Văn S.

** Tại văn bản trình bày nguyện vọng ngày 10/7/2019, Trần KT trình bày:* Trần KT là con của anh Trần Văn S và chị Danh Thị Kim H. Khi anh Trần Văn S và chị Danh Thị Kim H ly hôn, Trần KT có nguyện vọng chung sống với cha là anh Trần Văn S.

** Tại biên bản xác minh ngày 10/7/2019, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Anh Trần Văn S và chị Danh Thị Kim H chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không có đi đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Anh S và chị H thường xuyên đi làm ăn nên nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị không xác định được, anh S và chị H có 03 người con chung hiện nay anh S trực tiếp nuôi dưỡng.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Sổ hộ khẩu gia đình Danh Thị Kim H, Giấy chứng minh nhân dân Danh Thị Kim H, Đơn xác nhận sống chung với nhau như vợ chồng, Giấy khai sinh Trần KC, Trần KT và Trần KK, Tờ trình bày nguyện vọng ngày 10/7/2019 của Trần KC và Trần KT, Biên bản xác minh ngày 10/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Danh Thị Kim H yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn S. Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 01 người con chung tên Trần KK, sinh ngày 17/7/2013 và chị đồng ý giao 02 con tên Trần KC, sinh ngày 25/01/2002, Trần KT, sinh ngày 21/9/2004 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của 02 con Trần KC và Trần KT, anh chị không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ không có, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn S vắng mặt, có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Chị Danh Thị Kim H và anh Trần Văn S chung sống với nhau vào năm 1999, nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định

của pháp luật. Trong quá trình chung sống, anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, dẫn đến anh chị ly thân nhau, tại phiên tòa hôm nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh S. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận chị H và anh S là vợ chồng; Về quan hệ con chung, khi ly hôn chị H yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng người con chung tên Trần KK, sinh ngày 17/7/2013 và chị H đồng ý giao 02 con tên Trần KC, sinh ngày 25/01/2002, Trần KT, sinh ngày 21/9/2004 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con của anh chị tên Trần KC và Trần KT, anh S không ý kiến yêu cầu gì nên đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung của anh chị tên Trần KK, sinh ngày 17/7/2013 và chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Giao các con chung của anh chị tên Trần KC, sinh ngày 25/01/2002, Trần KT, sinh ngày 21/9/2004 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của 02 con Trần KC và Trần KT; Về cấp dưỡng nuôi con, chị H và anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về tài sản chung và nợ chị H xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị H yêu cầu được ly hôn với anh S và tranh chấp về nuôi con. Chị H và anh S có nơi cư trú tại ấp L 2, xã H Y, huyện A B, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh S nhưng anh S không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh S vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại Điều 206 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh S thì anh S gửi đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết và xét xử. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh S theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân, chị H và anh S chung sống với nhau vào năm 1999, đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi một trong hai người cư trú*) là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nay là Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh S thì anh S cũng đồng ý ly hôn với chị H nhưng do anh chị không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không thể ghi nhận thuận tình ly hôn giữa anh chị, mà không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh S là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, chị H và anh S có 03 người con chung tên Trần KC, sinh ngày 25/01/2002, Trần KT, sinh ngày 21/9/2004 và Trần KK, sinh ngày 17/7/2013, hiện nay các con chung của anh chị tên Trần KC và Trần KT đang sống chung với anh S, con tên Trần KK đang sống chung với chị H. Khi ly hôn chị H giao 02 người con chung tên Trần KC, sinh ngày 25/01/2002 và Trần KT, sinh ngày 21/9/2004 cho anh S tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của các con anh chị tên Trần KC và Trần KT. Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng con tên Trần KK, sinh ngày 17/7/2013; anh S không ý kiến yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên và yêu cầu của chị H và nguyện vọng của Trần KC và Trần KT. Giao con chung của anh chị tên Trần KK, sinh ngày 17/7/2013 và chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Giao các con chung của anh chị tên Trần KC, sinh ngày 25/01/2002, Trần KT, sinh ngày 21/9/2004 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của Trần KC và Trần KT là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị H và anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, chị H và anh S xác định, anh chị không có tài sản chung, không nợ người khác, người khác không nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 206, khoản 1 Điều 227, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Danh Thị Kim H và anh Trần Văn S là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung của anh chị tên Trần KK, sinh ngày 17/7/2013 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng (chị H đang nuôi dưỡng Trần KK).

Giao các con chung của anh chị tên Trần KC, sinh ngày 25/01/2002, Trần KT, sinh ngày 21/9/2004 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng theo nguyện vọng của Trần KC và Trần KT (anh S đang nuôi dưỡng Trần KC và Trần KT).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H và anh S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Chị H và anh S xác định, anh chị không có tài sản chung, không nợ người khác, người khác không nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc chị Danh Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0001936 ngày 04 tháng 7 năm 2019

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Danh Thị Kim H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Báo quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 01/11/2019. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Sang).

Trần Văn Thảo